

QUAN HỆ GIỮA ĐẠI CỒ VIỆT THỜI ĐÌNH, TIỀN LÊ VỚI NHÀ TỐNG TỪ NĂM 968 ĐẾN NĂM 1009

Trần Thị Thái Hà

Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội, Trường Đại học Sài Gòn

Tóm tắt. Bài viết tập trung tìm hiểu, phân tích những hoạt động bang giao giữa Đại Cồ Việt dưới triều Đinh, Tiền Lê với nhà Tống được phản ánh qua một số thư tịch cổ của Việt Nam và Trung Quốc. Bài viết chủ yếu sử dụng phương pháp thống kê, so sánh, đối chiếu thông tin giữa các nguồn thư tịch cổ; có sự tham khảo một số nhận định, đánh giá của các công trình đi trước về quan hệ giữa Đại Cồ Việt với nhà Tống. Qua việc xem xét các sự kiện ngoại giao hai chiều, được đặt trong bối cảnh lịch sử cụ thể, là cơ sở để đi tới nhận thức khách quan về thể ứng đối của từng đời vua thuộc hai triều Đinh, Tiền Lê trong quan hệ với Tống nhằm thiết lập hoà hiếu, đạt được sự thừa nhận từ phía nhà Tống địa vị hợp pháp của người đứng đầu vương triều. Kết quả nghiên cứu còn làm rõ tính linh hoạt, chủ động, phù hợp của những phương cách mà nhà Đinh, Tiền Lê đã sử dụng để bảo vệ, củng cố thành quả độc lập. Ở mức độ nhất định, kết quả nghiên cứu góp phần làm rõ những thành tựu của đất nước trong thế kỉ X và thập niên đầu của thế kỉ XI nhìn từ góc độ bang giao với triều đình phong kiến phương Bắc.

Từ khóa: Đinh, Tiền Lê, Tống, quan hệ, ngoại giao.

1. Mở đầu

Trong quá trình tồn tại và phát triển, các triều đại ở Việt Nam từ thế kỉ X đều hết sức chú trọng tới mối quan hệ với triều đình phong kiến Trung Hoa. Mối quan hệ giữa hai quốc gia Đại Cồ Việt và Tống dưới thời Đinh và Tiền Lê (chủ yếu chiếm hầu hết nửa sau thế kỉ X) diễn ra trong bối cảnh khá đặc biệt khi Việt Nam vừa thoát khỏi hơn một nghìn năm đô hộ của Trung Hoa, từng bước tạo lập chính quyền tự chủ, độc lập của người Việt. Do đó, về các vấn đề liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp tới hai vương triều Đinh, Tiền Lê có thể được xem xét, tiếp cận nghiên cứu trong khung cảnh chung thế kỉ X – thời gian tồn tại chủ yếu của hai triều đại Đinh, Tiền Lê như một số chuyên khảo, bài viết sau: *Thế kỉ X những vấn đề lịch sử* [1], *Lịch sử và văn hoá Việt Nam: tiếp cận bộ phận* [2], *Việt Nam thế kỉ X những mảnh vỡ lịch sử* [3], *Thế kỉ X trong lịch sử Việt Nam: một thời kì quá độ và điển hình* [4]; hoặc trong một số công trình nghiên cứu về lịch sử Việt Nam theo từng thời kì hoặc xuyên suốt như *Sự phục hưng của nước Đại Việt (thế kỉ X-XIV)* [5], *Việt Nam sử lược* [6], *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa thế kỉ XX* [7] *Việt Nam thời dựng nước* [8], *Sự hình thành Việt Nam* [9]. Trực tiếp về các sự kiện, nhân vật của hai triều đại Đinh, Tiền Lê cùng những vấn đề xoay quanh hoạt động bang giao có thể kể đến một số chuyên khảo như *Cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ nhất (980-981)* [10], *Bối cảnh định đô Thăng Long và sự nghiệp của Lê Hoàn* [11], *Những nhân vật lịch sử thời Đinh Lê* [12]. Gạn lọc từ chính sử cũng như những tư liệu dân gian, Nguyễn Thế Long đã biên soạn

Ngày nhận bài: 9/7/2022. Ngày sửa bài: 23/7/2022. Ngày nhận đăng: 2/8/2022.

Tác giả liên hệ: Trần Thị Thái Hà. Địa chỉ e-mail: tttha@sgu.edu.vn

Những mẩu chuyện bang giao trong lịch sử Việt Nam gồm hai tập, trong đó tập một là những chuyện kể về bang giao với Trung Hoa dưới thời Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ, Lê sơ [13]. Những vấn đề xoay quanh nhà nước Đại Cồ Việt, mà đặc biệt mối quan hệ bang giao giữa Đại Cồ Việt với các quốc gia lân bang đã được một số tác giả đề cập tới trong tham luận tại hội thảo khoa học “Vai trò của nhà nước Đại Cồ Việt trong tiến trình lịch sử dân tộc Việt Nam” do Viện Hàn lâm KHXHVN, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Tỉnh uỷ-UBND tỉnh Ninh Bình tổ chức năm 2018. Tập hợp các bài tham luận tại hội thảo được in ấn và xuất bản trong một cuốn sách cùng tên: *Vai trò của nhà nước Đại Cồ Việt trong tiến trình lịch sử dân tộc Việt Nam* [14].

Điềm qua một số công trình kể trên cho thấy vấn đề quan hệ giữa triều Đinh, Tiền Lê với nhà Tống được đề cập từ nhiều góc độ trong các nghiên cứu về thế kỉ X trong lịch sử dân tộc, về nhà nước Đại Cồ Việt, hoặc về các sự kiện hay nhân vật cụ thể thời Đinh, Tiền Lê chủ yếu dựa trên các bộ sử như *Đại Việt sử kí toàn thư* [15], *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* [16]. Bởi vậy, thành quả nghiên cứu của các tác giả đi trước là cơ sở để chúng tôi tiếp tục mở rộng nghiên cứu về quan hệ giữa triều Đinh, Tiền Lê với Tống trong thế kỉ X-XI dựa trên sự tổng hợp, đối chiếu tư liệu thư tịch cổ của Việt Nam (ngoài những thư tịch cổ của Việt Nam đã nêu ở trên thì còn có *Việt sử lược* [17], *Đại Việt sử kí tiền biên* [18] cũng sẽ được sử dụng trong nghiên cứu này), Trung Quốc (*Tống sử*) [19]; đặt trong sự tác động qua lại của các yếu tố khách quan, chủ quan cũng như ảnh hưởng của chính người đứng đầu đất nước hoặc các nhân vật trực tiếp tham gia vào các hoạt động bang giao ở từng giai đoạn cụ thể.

Trong thư tịch cổ, quan hệ bang giao giữa hai nước Đại Cồ Việt và Tống từ năm 968 đến 1009 được thể hiện khá đa dạng với những chi tiết thú vị về công phẩm, về các sứ thần hai nước cũng như vai trò của các đại sứ như Khuông Việt, Pháp Thuận khi tiếp sứ... Những nội dung này phần nào đã được khai thác và trình bày trong một số nghiên cứu về thế kỉ X hay về quốc gia Đại Cồ Việt nói chung, về ngoại giao của Đại Cồ Việt nói riêng... Do vậy, trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi tập trung làm rõ vai trò, cách thức ứng phó của người đứng đầu quốc gia Đại Cồ Việt trong hoạt động bang giao với Tống từ năm 968 đến năm 1009, qua thông tin về các sứ đoàn được thư tịch cổ hai nước ghi chép lại.

Những nhận xét rút ra từ quan hệ bang giao giữa Đại Cồ Việt với Tống trong thời gian trị vì của hai vương triều Đinh, Tiền Lê từ 968 đến 1009 sẽ mang đến cái nhìn toàn diện, cụ thể hơn về một hoạt động quan trọng của Nhà nước thời Đinh, Tiền Lê; làm rõ sự nhạy bén, khéo léo của những người đứng đầu vương triều Đinh, Tiền Lê trong ứng xử, giao thiệp với một láng giềng nhiều tham vọng như nhà Tống. Qua việc phân tích hoạt động bang giao giữa Đại Cồ Việt với Tống thời Đinh, Tiền Lê còn cho thấy sự trưởng thành của lòng tự tôn dân tộc, ý thức về chủ quyền quốc gia, dân tộc của nhân dân ta thời kì này mà Đinh Tiên Hoàng, Đinh Liễn, Lê Hoàn, Lê Long Đĩnh có thể coi là những đại diện tiêu biểu.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Vài nét về bối cảnh lịch sử

Năm 968, sau khi đã đánh dẹp các sứ quân, thống nhất đất nước, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế, định đô ở Hoa Lư, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt; các quan dâng tôn hiệu Đại Thắng Minh Hoàng đế. Trước khi Đinh Bộ Lĩnh xưng đế lập nước Đại Cồ Việt vào năm 968 thì Việt Nam đã là quốc gia độc lập, tự chủ. Kể từ khi cha con họ Khúc xưng Tiết độ sứ năm 905 đến khi Đinh Bộ Lĩnh xưng đế năm 968, dân tộc Việt đã trải qua 63 năm đấu tranh với nhiều cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập tự chủ của dân tộc sau hơn nghìn năm bị các triều đình phương Bắc thống trị. Như vậy, triều Đinh ra đời trên cơ sở kế thừa thành quả của các triều đại xuất hiện từ đầu thế kỉ X gồm họ Khúc, họ Dương, họ Ngô.

Triều đình nhà Đinh có đầy đủ hai ban văn võ. Trong bộ máy Nhà nước còn có bộ phận tăng quan với các chức quan như Tăng thống Ngô Chân Lưu, Tăng lục Trương Ma Ni, Sùng Chân uy nghi Đặng Huyền Quang... Đinh Tiên Hoàng lập con nhỏ Đinh Hạng Lang làm Thái tử, phong con thứ Đinh Toàn làm Vệ vương, Đinh Liễn là con trưởng được phong là Nam Việt vương.

Năm 979, Đinh Tiên Hoàng và Đinh Liễn bị sát hại. Đinh Toàn mới 6 tuổi lên nối ngôi. Thập đạo tướng quân Lê Hoàn được cử làm phụ chính. Các tướng trong triều chia thành bè phái giữa một bên là ủng hộ Lê Hoàn, một bên là các tướng như Đinh Điền, Phạm Hạp, Nguyễn Bặc lo sợ Lê Hoàn có ý định cướp ngôi nhà Lê. Lúc này, nhà Tống ở phương Bắc đang lăm le xâm chiếm Đại Cồ Việt. Vì thế, tháng 7 năm 980, các tướng sĩ và Thái hậu họ Dương đã tôn Lê Hoàn lên làm vua để tổ chức kháng chiến chống giặc.

Nhà Tiền Lê được thành lập thay nhà Đinh. Sau kháng chiến chống Tống lần thứ nhất thắng lợi, Lê Hoàn tập trung vào khôi phục và xây dựng đất nước. Về cơ bản, nhà nước thời Tiền Lê dưới sự dẫn dắt của Lê Đại Hành vẫn giữ nguyên tổ chức bộ máy chính quyền ở triều đình như thời Đinh, tiếp tục đóng đô ở Hoa Lư, giữ nguyên quốc hiệu Đại Cồ Việt. Bên cạnh đội ngũ quan văn, võ, trong triều đình Tiền Lê vẫn duy trì đội ngũ một số nhà sư nổi tiếng như Vạn Hạnh, Đỗ Pháp Thuận... phụ trách các công việc tôn giáo, quân sư giúp vua bàn việc nước hoặc đón tiếp sứ thần. Nhìn một cách tổng quát, “Việt Nam buổi đầu xây dựng đất nước tự chủ vào giữa thế kỉ X từng bước hoàn thiện chế độ chính trị và kết cấu văn hoá để chế... Việt Nam thi hành chính sách “Nội đế ngoại thần” (trong nước xưng đế, bên ngoài xưng thần (vương) và song trùng quốc hiệu hàng nghìn năm thể hiện trong việc thực hiện quan hệ triều cống” [14;174].

Trong lúc này, ở phương Bắc, nhà Tống được thành lập từ năm 960 đã lần lượt đánh xuống các nước phía Nam, chiếm Nam Bình, Hậu Thục và chuẩn bị tiến đánh Nam Hán là nước nằm sát cương vực của Đại Cồ Việt. Trước đó vào thời Ngô, Nam Tấn vương Ngô Xương Văn mới chỉ sai sứ sang giao thiệp với chính quyền nhà Nam Hán mà chưa tiếp xúc với nhà Tống. Khi triều đình nhà Tống cử tướng Phan Mỹ đánh dẹp yên được Lĩnh Nam, vị vua cuối cùng của Nam Hán là Lưu Xương phải đầu hàng thì tình hình Trung Quốc có sự thay đổi, khiến cho người đứng đầu Đại Cồ Việt khi đó là Đinh Bộ Lĩnh cũng phải xoay chuyển trong việc lựa chọn đối tác để thiết lập mối bang giao. *Đại Việt sử kí toàn thư* chép: “Năm Canh Ngọ, Thái Bình năm thứ 2 (970), (Tống Khai Bảo năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, đặt niên hiệu... Sai sứ sang nhà Tống giao hảo” [15; 255]. Sự kiện này chúng tôi sẽ trình bày kĩ hơn ở phần sau. Như vậy, năm 970 là mốc khởi điểm cho quan hệ ngoại giao giữa quốc gia Đại Cồ Việt với Tống, mà hai vương triều Đinh, Tiền Lê là chủ thể trực tiếp tham gia vào hoạt động này cho tới khi nhà Tiền Lê suy vong và triều Lý được thành lập (năm 1009).

2.2. Quan hệ Đại Cồ Việt với Tống thời Đinh

Triều Đinh tồn tại trong 13 năm (968-980) với hai đời vua; tuy nhiên, những hoạt động bang giao với Tống chỉ được tiến hành trong thời gian trị vì của Đinh Tiên Hoàng. Song song với hàng loạt các biện pháp nội trị tỏ rõ ý chí, tinh thần độc lập và tự tôn dân tộc cao, thì ở chính sách ngoại giao của mình, Đinh Tiên Hoàng thực hiện chủ trương thiết lập mối quan hệ hữu hảo với nhà Tống.

Bảng 1. Hoạt động bang giao giữa triều Đinh và Tống trong thế kỉ X

Năm	Sự kiện	Sứ thần	Vật phẩm	Mục đích/ nội dung
970	Sai sứ sang Tống			Giao hảo.
971	Tống sai người đưa thư			

	sang			
972	Sai sứ sang Tống	Đinh Liễn		Thăm nhà Tống
973	Tổng sai sứ sang			Phong cho vua làm Giao Chỉ quận vương, Liễn làm Kiểm hiệu thái sư Tĩnh hải quân Tiết độ sứ, An Nam đô hộ; ban chế văn
975	- Sai sứ sang Tống	Trịnh Tú	Sùng tê, vàng, lụa, ngà voi	
	- Tổng sai sứ sang	Hồng lô tự khanh Cao Bảo Tự, Vương Ngạn Phù cùng những người khác	Chế sách	Gia phong cho Nam Việt vương Đinh Liễn làm Khai phủ nghi đồng tam ty, Kiểm hiệu Thái sư, Giao Chỉ quận vương. Từ đó về sau lấy Liễn làm chủ
976	Sai sứ sang Tống	Trần Nguyên Thái		Sang đáp lễ
977	Sai sứ sang Tống			Mừng Tống Thái Tông lên ngôi

(Nguồn: *Đại Việt sử kí toàn thư, Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Việt sử lược, Đại Việt sử kí tiền biên, Tống sử*)

Ở Bảng 1, chúng tôi thống kê và chia rõ ra từng nội dung cụ thể các sự kiện bang giao thuộc thời nhà Đinh được ghi lại trong *Đại Việt sử kí toàn thư, Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Việt sử lược, Đại Việt sử kí tiền biên, Tống sử*. Một số sự kiện ở *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* hay *Việt sử lược* được chép rõ hơn so với *Đại Việt sử kí toàn thư* như sự kiện năm 970, 972; hoặc sự kiện năm 971 không có trong *Đại Việt sử kí toàn thư* nhưng lại được *Việt sử lược* nhắc tới. *Tống sử*, phần *Bản kỉ* chỉ ghi lại sự kiện sứ thần do Đinh Liễn sai sang cống phương vật vào các năm 973, 975... Bên cạnh đó, còn có một số điểm không thống nhất của sử liệu. Việc tổng hợp, đối chiếu thông tin từ các thư tịch đặt trong bối cảnh lịch sử cụ thể sẽ được triển khai trong nghiên cứu này để có cái nhìn đầy đủ, khách quan về quan hệ bang giao giữa hai nước trong khoảng thời gian 10 năm (970-980).

Một điều đáng lưu ý, đó là những hoạt động bang giao với Tống được bắt đầu sau khi Đinh Bộ Lĩnh về cơ bản đã hoàn thành việc kiến thiết triều đình: định đô ở Hoa Lư, đắp thành, đào hào, làm cung điện, đặt nghi lễ trong triều [15; 237]. Các thư tịch cổ của Việt Nam và Trung Quốc (*Tống sử*) đều thống nhất ở mốc thời gian: năm 970 – ghi nhận lần đầu tiên triều Đinh cử sứ thần sang Tống. Về lý do tại sao được thành lập từ năm 968, nhưng tới đầu năm 970 mới có cuộc tiếp xúc đầu tiên có tính chất bang giao của Đại Cồ Việt với Tống, *Đại Việt sử kí toàn thư* cho biết: “Bấy giờ nhà Tống sai Đại tướng Phan Mỹ dẹp yên Lĩnh Nam (chỉ Lưu Xương) nên mới có lệnh ấy” [15; 255]. Chi tiết này cho thấy đã có ít nhất hai khả năng: 1) Đinh Bộ Lĩnh ban đầu muốn duy trì nền độc lập, tự chủ, tách hẳn khỏi ảnh hưởng của phong kiến phương Bắc (điều này được minh chứng qua hàng loạt việc làm của ông như đặt quốc hiệu, niên hiệu, xưng hoàng đế, lập 5 hoàng hậu và “duy trì các tập tục Việt mà không bắt chước người Trung Quốc” [5; 37]...). Tuy nhiên, trước sự thay đổi của nội tình Trung Quốc, nhận ra thế đang lên của nhà Tống, đã khiến Đinh Bộ Lĩnh kịp thời xoay chuyển biện pháp đối ngoại, có lợi cho công cuộc củng cố, xây dựng chính quyền tự chủ, độc lập non trẻ của mình. 2) Sự thận trọng của Đinh Bộ Lĩnh đối với tình trạng năm đời mười nước của Trung Quốc, lúc này mặc dù đã dần đi vào giai

đoạn cuối nhưng vẫn chưa hoàn toàn chấm dứt. Trước đó ít lâu, vào những năm 30-40 của thế kỉ X, họ Khúc đã lĩnh hậu quả khi bỏ qua nhà Nam Hán, sai sứ sang nhà Lương xin “lĩnh tiết việt”. Do vậy, vào năm 968 khi vừa lập ra vương triều mới, Đinh Bộ Lĩnh chưa vội cử sứ thần đi giao hảo với phương Bắc mà có ý chờ đợi, nghe ngóng tình hình.

Mặc dù có sự thận trọng như vậy, nhưng có lẽ bản thân Đinh Bộ Lĩnh cũng ý thức được hiểm họa từ phương Bắc nên tuy chưa cử sứ thần sang Trung Quốc giao hảo, ông cũng đã có sự chuẩn bị cho công việc này. Có thể thấy điều này rất rõ qua sự kiện năm 969: “Kỷ Tị, năm thứ hai (969), (Tống, năm Khai Bảo thứ 2), tháng 5 nhuận. Phong con trưởng là Liễn làm Nam Việt vương” [15; 255]. Việc phong Liễn làm Nam Việt vương – người đứng đầu của Nam Việt là việc làm mang tính chất danh nghĩa. Các sự kiện được ghi chép trong chính sử cho thấy ngay trong năm sau, Đinh Tiên Hoàng vẫn là người nắm quyền tối cao trong mọi công việc trọng đại của đất nước: từ đặt niên hiệu, sai sứ sang Tống, lập hoàng hậu, quy định cấp bậc văn võ, tăng đạo... Do đó, hoàn toàn có cơ sở để đi đến giả thiết: sự phong vương cho Liễn năm 969 chỉ là thao tác có tính hình thức mà Đinh Tiên Hoàng đã đi trước một bước, nhằm tạo danh nghĩa cho Đinh Liễn. Với cương vị đó, Đinh Liễn có thể thay thế cho Đinh Tiên Hoàng hiện diện ở kinh đô của nhà Tống, thực hiện các nghi thức ngoại giao nhằm mục đích được thừa nhận dự vào hàng phiên thuộc (cho dù những nghi thức đó là biểu hiện của nguyên tắc ứng xử bất bình đẳng giữa triều đình Trung Hoa vốn tự coi mình là Thiên triều trong quan hệ với các quốc gia nhỏ cận kề, tồn tại trong hàng ngàn năm ở Trung Quốc cùng với “nguyên lí chính trị cổ truyền “phổ thiên chi hạ mạc phi vương thổ, suất thổ chi tân mạc phi vương thần” (dưới gầm trời không đâu không phải đất của vua, trên mặt đất không ai không phải dân của vua) của giai cấp thống trị người Hán” [19; 19]. Và như vậy, để đảm bảo cho việc ông vẫn ở lại trong nước và điều hành chính sự, năm 969, Đinh Tiên Hoàng làm như đã chuyển giao quyền lực cho người con cả Đinh Liễn.

Về cuộc tiếp xúc đầu tiên giữa đại diện của triều Đinh với nhà Tống năm 970, *Đại Việt sử kí toàn thư* chỉ chép ngắn gọn: “Sai sứ sang Tống giao hảo. Bấy giờ nhà Tống sai Đại tướng Phan Mỹ dẹp yên Lĩnh Nam nên mới có lệnh ấy” [15; 255], mà không có thêm bất kì thông tin nào về tên của sứ thần, sản vật mang theo làm quà tặng... Kết quả của chuyến đi này là “Nhà Tống phong vua làm An Nam quận vương” [17; 55]. Trước khi có cuộc đi sứ năm 970, khả năng đã diễn ra những lần thương lượng, hội đàm giữa Đại Cồ Việt và Tống nhưng không được chép trong chính sử. Đinh Tiên Hoàng hẳn phải cân nhắc giữa hai khả năng chiến tranh và hoà bình, và đi tới quyết định thiết lập quan hệ hữu hảo với nhà Tống – kẻ đã thống nhất Trung Hoa và tiêu diệt nhà Nam Hán để đảm bảo sự bình yên cho công cuộc xây dựng đất nước sau những năm tháng loạn lạc, xáo trộn. Có thể phỏng đoán rằng, trong lần đi sứ đầu tiên này, không có sự tham gia của Đinh Liễn. Chính vì thế mà dường như nhà Tống chưa có được niềm tin vào sự quy thuận của nhà Đinh, nên năm 971 đã cho người đưa thư sang. Theo *Việt sử lược*: “Tống nghe tin vương xưng tôn hiệu, sai người đưa thư cho vương, đại lược nói rằng: “Trung Quốc đối với man di cũng như người ta có tứ chi, nếu như lòng bụng chưa yên thì chân tay lẽ nào trị được? Xứ Giao Châu nhỏ bé, ở xa tại cuối trời, cuối Đường lắm việc chưa kịp xử phân. Nay thánh triều che chở muôn nước, nghiệp thái bình đã được thành công. Đợi người đến châu, cho vui lòng trăm. Người không theo phụ, làm ta bận lòng. Khiến ta phải dùng kế chặt chân, tiện đốt, làm cỏ nước người, hời mà sao kịp” [17; 55].

Vì có thư này của nhà Tống, mà vào năm sau – 972, “Thái Bình năm thứ 3, (Tống Khai Bảo năm thứ 5). Sai Nam Việt vương Liễn sang sứ thăm nhà Tống” [15; 256]. Về sự kiện này, *Việt sử lược* chép có hơi khác với *Toàn thư*, *Khâm định, Đại Việt sử kí tiền biên*, ở chỗ, tên người được cử đi sứ là Nguyễn Tử Du chứ không phải Đinh Liễn. *An Nam chí lược* cũng ghi nhận Đinh Liễn không trực tiếp đi sứ mà chỉ “Liễn dâng biểu văn, khiến sứ vào cống, xin nội thuộc” [20; 227]. *Tống sử* xác nhận có sứ đoàn từ Đại Cồ Việt sang, do Đinh Liễn cử đi nhưng không nêu bất kì cái tên cụ thể nào: “Bản kỉ 3, Thái Tổ 3 “Nam Khai Bảo thứ 6 (973)... tháng 5, sóc Canh thân, ngày Kỉ ty, Đinh Liễn ở Giao Châu sai sứ qua cống phương vật” [19; 84]. Như

vậy, nhà Tống gửi thư đòi vua Đinh phải sang châu và để đáp lại, năm 972, Đinh Liễn đã cử sứ đoàn lên đường sang Tống cùng với các công phẩm.

Vấn đề Đinh Liễn có thực sự tham gia sứ đoàn sang Tống năm 972 như *Toàn thư* đã chép hay không cũng cần phải làm rõ vì điều này có quan hệ tới kế sách đối ngoại của triều Đinh. Đối chiếu sử liệu của Việt Nam và Trung Quốc, tuy có sự khác biệt, nhưng theo chúng tôi, những thông tin từ ba bộ sử gần nhất với thời điểm thế kỉ X còn lại đến nay là *An Nam chí lược*, *Việt sử lược*, *Tống sử* là đáng tin cậy, và từ đó có cơ sở để khẳng định rằng Đinh Liễn đã tìm cách trì hoãn để không có mặt trong đoàn đi sứ năm 972.

Toàn thư chép tiếp sự kiện năm 973: “Thái Bình năm thứ 4, (Tống Khai Bảo năm thứ 6), Nam Việt vương Liễn đi sứ về. Nhà Tống sai sứ sang phong cho vua làm Giao Chỉ quận vương, Liễn làm Kiểm hiệu thái sư Tĩnh hải quân Tiết độ sứ An Nam đô hộ”.

Tiếp đó, năm 975, “Thái Bình năm thứ 6, (Tống Khai Bảo năm thứ 8), mùa thu, nhà Tống sai Hồng lô tự khanh Cao Bảo Tự dẫn đầu bọn Vương Ngạn Phủ đem chế sách sang phong cho Nam Việt vương Liễn làm Khai phủ nghi đồng tam ty, Kiểm hiệu thái sư, Giao Chỉ quận vương. Từ đó về sau, sai sứ sang Tống đều lấy Liễn làm chủ”.

Thông tin từ *Toàn thư* cho thấy, Đinh Tiên Hoàng chỉ nắm giữ chức Giao Chỉ quận vương chừng hơn một năm, sau đó chính thức được trao cho Đinh Liễn. Tuy nhiên, đối chiếu với *Tống sử* [19; 62-63] cùng những ghi chép của *An Nam chí lược* [20; 87], thì không có sự kiện Đinh Liễn được phong Giao Chỉ quận vương, mà người giữ chức vụ này là Đinh Tiên Hoàng. Thời điểm Đinh Tiên Hoàng được phong Giao Chỉ quận vương là năm 975 chứ không phải 973 như *Toàn thư* đã chép. Phan Huy Chú đánh giá cao việc Đinh Tiên Hoàng được phong làm Giao Chỉ quận vương: “Nước ta từ thời Hùng vương mới bắt đầu thông hiếu với Trung Quốc, nhưng danh hiệu còn nhỏ, không được dự vào hàng chư hầu triều hội ở nhà Minh đường. Rồi bị Triệu Đà kiêm tính, nhà Hán phong Đà làm Nam Việt vương, chỉ được sánh với chư hầu của Trung Quốc chứ chưa từng được nêu là một nước. Đến sau nội thuộc vào nhà Hán, nhà Đường, bèn thành một quận, huyện. Đến khi Đinh Tiên Hoàng bình định các sứ quân, khôi phục mở mang bờ cõi, bấy giờ điển lễ sách phong của Trung Quốc mới nhận cho đứng riêng một nước” [21; 534-535]. Sự có mặt của Đinh Liễn trong sứ đoàn sang Tống năm 975 có thể được minh chứng qua lời chế của Tống Thái Tổ năm 975: “Bộ Lĩnh sinh tại đất Diên Chi, giữ tiết làm tôi hướng theo phương Bắc... Nay Cửu Châu đã thống nhất, Ngũ Lĩnh cũng thanh bình bèn do đường thủy lược qua lại công hiến lễ vật. Nay ta có lời khen ngợi đã sai con xin làm phiên thuộc, vậy phong cho cha làm quận vương, cấp tước lộc để biểu dương lòng nhân đức khác thường...” [20; 87]. Có thể thấy rằng vua Tống rất hài lòng với sự triều kiến của Đinh Liễn, do đó đã cử Hồng lô tự khanh Cao Bảo Tự dẫn đầu sứ đoàn sang phong cho cả hai cha con họ Đinh những chức vụ và danh hiệu cao quý.

Điều đặc biệt đáng lưu ý đó là cả *An Nam chí lược*, *Việt sử lược* lẫn *Tống sử* đều ghi nhận vai trò của Đinh Liễn như người đứng đầu của vương triều Đinh khi ông là người đứng tên trong các lần cử sứ thần sang Tống kết hiếu, dâng công vật... chứ không phải là Đinh Tiên Hoàng. Như vậy có thể thấy rằng, chức Giao Chỉ quận vương mà nhà Tống phong cho Đinh Tiên Hoàng chỉ mang ý nghĩa tượng trưng; còn đối với nhà Tống thì người có đủ thẩm quyền, tư cách quyết định mọi công việc ở Đại Cồ Việt, nhất là trong giao thiệp với nhà Tống lại là Đinh Liễn. Thực tế này dẫn dắt đến một vấn đề cần xác định, đó là: cơ chế quyền lực của cha con họ Đinh phải chăng đã mang tính chất như chế độ Thái thượng hoàng mà sau này nhà Trần trong thế kỉ XIII - XIV áp dụng? Kết nối với sự kiện năm 969, có thể thấy Đinh Tiên Hoàng đã thành công trong việc thiết kế một kế hoạch dài hơi để giao thiệp với nhà Tống. Điều này cho thấy nhân quan chính trị sâu sắc của Đinh Tiên Hoàng trong nhìn nhận và đánh giá thế và lực của nhà Tống cũng như tầm quan trọng của việc thiết lập mối quan hệ hữu hảo với một láng giềng nguy hiểm, đe dọa đến chủ quyền dân tộc. Sự chủ động, linh hoạt trong chính sách và hoạt động ngoại giao đã mang lại kết quả tốt đẹp cho vương triều Đinh, cho quốc gia Đại Cồ Việt trong 10

năm thiết lập quan hệ với Tống ở thế kỉ X. Điều này có ý nghĩa rất quan trọng đối với một chính thể non trẻ, mới được hình thành sau công cuộc thống nhất các lực lượng quân sự cát cứ.

Mặt khác, cũng có thể thấy rằng, Đinh Liễn cùng chung chí hướng và hành động với cha là Đinh Tiên Hoàng không chỉ trong sự nghiệp thống nhất các lực lượng cát cứ trước đây mà còn cả ở công cuộc xây dựng, củng cố nhà nước tự chủ, thống nhất. Ông nhận trọng trách từ vua cha và hoàn thành tốt sứ mệnh, đảm bảo mối quan hệ bang giao với Tống luôn trong trạng thái hoà hiếu, dần đạt tới độ tin cậy cao. Điều này góp phần đảm bảo cho Đinh Tiên Hoàng có thể tập trung với công việc nội trị, vốn đặt ra không ít khó khăn sau những năm tháng đất nước rơi vào tình trạng cát cứ

Sử cũ chép thêm một sự kiện bang giao giữa triều Đinh với Tống là vào năm 977: “ sai sứ sang nhà Tống mừng Thái Tông lên ngôi” [15; 257]. Đây có thể coi là hoạt động bang giao cuối cùng giữa triều Đinh và Tống, cho thấy đến cuối thập kỉ 80 của thế kỉ X, hai nước vẫn tiếp tục duy trì mối quan hệ hữu hảo, thân thiện.

2.3. Quan hệ giữa Đại Cồ Việt với Tống thời Tiền Lê

Những biến động chính trị của Đại Cồ Việt sau năm 979 từ cái chết của cha con Đinh Bộ Lĩnh, Đinh Liễn đã chấm dứt mối quan hệ tốt đẹp giữa triều Đinh và nhà Tống. Lịch sử bang giao giữa nhà Tiền Lê với Tống diễn ra trong khoảng thời gian 29 năm: từ tháng 7 năm 980 tới tháng 10 năm 1009 với 3 đời vua Lê (Lê Hoàn, Lê Trung Tông, Lê Ngọa Triều) tương ứng với hai đời vua Tống (Tống Thái Tông, Tống Chân Tông). Tuy nhiên, Lê Trung Tông chỉ làm vua vắn vắn có 3 ngày nên chưa kịp có những việc làm gì để lại dấu ấn. Theo thống kê của Nguyễn Thị Thu Thủy từ thư tịch cổ Việt Nam và Trung Quốc thì riêng trong thời Lê Hoàn trị vì, nhà vua đã cử 16 đoàn sứ bộ sang Tống và Tống phái 11 đoàn sứ bộ sang Tiền Lê (trong số này có một số đoàn sứ bộ không được ghi chép trong các thư tịch của Việt Nam). Về mục đích đi sứ, các chuyến đi sứ của sứ bộ nhà Tiền Lê dưới thời Lê Hoàn chủ yếu là tạ ơn (8 lần) và tuế cống (8 lần), hai lần cầu phong và một lần dâng biểu tạ tội- [22; 304,306].

Cần lưu ý rằng trước cuộc chiến năm 981, cả triều đình nhà Đinh lẫn nhà Tống đều có những xáo trộn, bất lợi. Tháng 11 năm 976, Tống Thái Tông lên ngôi, tiếp tục công cuộc chinh phạt các lực lượng cát cứ ở miền Nam rồi miền Bắc: Ngô Việt (978), Bắc Hán (979). Năm 979, sau khi tiêu diệt tiểu quốc độc lập cuối cùng là Bắc Hán, Tống Thái Tông đem quân đánh Khất Đan nhưng bị thất bại [23; 138]. Năm đó, ở Đại Cồ Việt, cha con Đinh Tiên Hoàng bị sát hại, tình hình trong triều đình không ổn định. Những hiểu biết, thiện cảm và sự tin cậy của nhà Tống dành cho triều Đinh như đã có dưới thời Tống Thái Tổ chắc chắn chưa được tạo lập một cách vững vàng ở vị vua mới Tống Thái Tông. Điều này góp phần lí giải tại sao, khi Tri Ung Châu của nhà Tống là Thái thường bác sĩ Hầu Nhân Bảo dâng thư tâu lên rằng: “An Nam quận vương cùng với con là Liễn đều bị giết, nước ấy sắp mất, có thể nhân lúc này đem quân sang đánh lấy” thì “vua Tống đã sai chạy trạm đến gọi Nhân Bảo” [15; 262]. Tháng 7 năm 980, “nhà Tống lấy Hầu Nhân Bảo làm Giao Châu lục lộ thuỷ lộ chuyển vận sứ... họp quân cả 4 hướng, hẹn ngày cùng sang xâm lược”, “tháng 8, vua Tống xuống chiếu đem quân sang xâm lược, sai Lư Đa Tôn đem thư sang” [15; 262].

Về nguyên do của cuộc xâm lược này, phần *Truyện Giao Chỉ* trong *Tống sử* chép: “Khi Bộ Lĩnh và Liễn đã chết, em Liễn là Toàn còn nhỏ nối ngôi, xưng là Tiết độ sứ Hành quân tư mã quyền lãnh quân phủ sự. Đại tướng Lê Hoàn chuyên quyền kết bè đảng, dần dần không thể chế ngự, ép dời Toàn qua ở nơi khác, cầm cố tất cả người trong tông tộc, thay quyền thống lãnh mọi người. Thái Tông nghe tin cả giận, bèn bàn việc cất quân” [19; 63]. Nhưng cũng chính *Tống sử*, ở *Truyện Hầu Nhân Bảo* phần *Liệt truyện*, đã bộc lộ rõ mục đích của cuộc chiến này: “Nhân Bảo nhờ tập âm mà được thăng làm Thái tử Trung doãn... Trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc (976-984), dâng sớ trình bày kế sách lấy Giao Châu, Thái Tông cả mừng, sai theo dịch trạm về kinh... Bèn lấy Nhân Bảo làm Giao Châu thuỷ lục kê độ Chuyển vận sứ”. Như vậy, các

sử thần triều Lê đã hoàn toàn khách quan khi nhận định và ghi chép chính xác về tham vọng xâm lược nước ta của nhà Tống khi đó. Trong bức thư của vua Tống do Lu Đa Tôn đem sang có đoạn: “Nay ta đang chỉnh đốn xe cộ quân lính, truyền hiệu lệnh chiêng trống. Nếu chịu theo giáo hoá, ta sẽ tha tội cho, nếu trái mệnh ta sẽ sai quân đánh. Theo hay chống, lành hay dữ, tự người xét lấy” [15; 265]. Trước tới hậu thư của vua Tống, mùa đông, tháng 10 năm 980, Lê Hoàn cử Giang Cự Vọng và Vương Thiệu Tộ đem thư sang nhà Tống, giả là biểu của Vệ vương Đinh Toàn cầu nối ngôi cha và xin vua Tống ban cho mệnh lệnh chính thức [15; 266]. Thực chất đây chỉ là hành động nhằm hoà hoãn tình thế, kích thích thêm tính chủ quan, kiêu ngạo của quân Tống và tranh thủ thời gian chuẩn bị thêm lực lượng [24; 499]. Tống Thái Tông hẳn cũng đoán được mưu kế của Lê Hoàn, hơn thế đã hoàn tất việc sửa soạn binh mã và ráp tâm xâm lược Đại Cồ Việt nên đưa yêu sách buộc Lê Hoàn hoặc phải đặt Đinh Toàn lên ngôi thống soái, hoặc phải đưa mẹ con Đinh Toàn cùng thân thuộc sang quy phụ nhà Tống [15; 266]. Chấp nhận yêu sách nào cũng đều là sự đầu hàng nhục nhã, vì thế Lê Hoàn quyết tâm tiến hành kháng chiến.

Cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ nhất của quân dân Đại Cồ Việt kết thúc thắng lợi vào năm 981, mở ra một giai đoạn mới trong quan hệ giữa Đại Cồ Việt với Tống dưới sự dẫn dắt của Lê Hoàn và người kế nghiệp ông là Lê Long Đĩnh (Lê Ngoạ Triều).

Sau chiến thắng quân Tống, Lê Hoàn tập trung công sức ổn định tình hình đất nước, khôi phục và phát triển kinh tế. Giặc ngoại xâm tuy đã bị đánh đuổi khỏi bờ cõi, nhưng vẫn còn tiềm ẩn nguy cơ chiến tranh từ cả hai phía Bắc, Nam mà đặc biệt là ở phía Bắc. Biết nhà Tống vẫn chưa hoàn toàn từ bỏ âm mưu tái chiếm nước ta, mặc dù ngay lập tức Tống chưa có thể tổ chức cuộc chiến tranh xâm lược mới, nhưng Lê Hoàn đã chủ động thực thi chính sách đối ngoại mềm dẻo, hoà hiếu với Tống. Năm 983, sau khi giải quyết vấn đề Chiêm Thành, Lê Hoàn sai sứ sang thông hiếu với nhà Tống [15; 270]. *Tống sử* chép về sự kiện bang giao giữa hai nước sau chiến tranh sớm hơn một năm so với *Đại Việt sử kí toàn thư*: “Mùa xuân năm thứ 7 (982), Hoàn sợ triều đình rút lại cũng sẽ thảo phạt tiêu diệt, bèn lấy danh nghĩa Đinh Toàn sai sứ quan công phương vật, dâng biểu tạ tội”. Và ngay trong năm sau, lại một lần nữa sứ thần của Đại Cồ Việt sang Tống. *Tống sử* chép: “năm thứ 8, (983), Hoàn tự xưng quyền Lưu hậu tam sứ Giao Châu, sai sứ qua công phương vật, lại lấy danh nghĩa Đinh Toàn dâng biểu” [19;66].

Như vậy, từ trước và cho tới hai năm sau cuộc chiến, mặc dù ở tư thế người chiến thắng nhưng Lê Hoàn vẫn sử dụng cái tên Đinh Toàn như một con bài trên bàn cờ ngoại giao giữa Đại Cồ Việt với Tống. Điều này cho thấy nhà Tống chưa công nhận Lê Hoàn là đại diện chính thống, giữ ngôi vị thống trị ở Đại Cồ Việt. Do vậy, năm 985, Lê Hoàn đã đi nước cờ tiếp theo, mềm mỏng nhưng kiên trì với mục đích của mình: “Vua sai sứ sang nhà Tống xin giữ chức Tiết trấn” [15;271]. *Tống sử* chép kĩ hơn về sự kiện này, nêu rõ tên của sứ thần cùng quà tặng họ mang theo: “Năm Ung Hy thứ 2 (985), sai bọn Nha hiệu Trương Thiệu Bằng, Nguyễn Bá Tán qua công phương vật, kẻ dâng biểu xin chính thức lãnh trấn tiết” [19; 67]. Kết quả của chuyến đi này, Không thấy *Đại Việt sử kí toàn thư* nhắc tới. Theo nghiên cứu của Nguyễn Thị Thu Thủy dựa trên các nguồn thư tịch cổ của Trung Quốc thì vào năm 985, nhà Tống cử Lý Nhực Chuyết, Lý Giác sang Đại Cồ Việt phong cho Lê Hoàn chức Thuận Hoá công thần. Đây là chức vị sớm nhất mà Lê Hoàn được nhà Tống phong cho [22; 315]. Việc nhà Tống chỉ ban cho Lê Hoàn chức Thuận Hoá công thần thể hiện sự dè dặt, thận trọng của nhà Tống khi nhìn nhận, đánh giá vai trò, vị thế của Lê Hoàn ở thời điểm đó. Mục đích xâm lược nước ta bằng quân sự không đạt được, nhà Tống bắt buộc phải bằng con đường ngoại giao thừa nhận vai trò lãnh đạo của Lê Hoàn. Từ sau năm 985 thì còn có nhiều đoàn sứ thần của Tống và Đại Cồ Việt qua lại giữa hai bên. Những diễn biến tiếp theo cho thấy có sự thay đổi về chất và lượng của mối quan hệ giữa triều Tiền Lê và nhà Tống, đáng lưu ý là một số năm như sau dưới đây:

- Tháng 10 năm 986, nhà Tống sai Tả bổ khuyết Lý Nhực Chuyết, Quốc Tử giám bác sĩ Lý Giác mang chế sách sang phong Lê Hoàn làm An Nam đô hộ Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ kinh

triệu quận hầu. Lê Hoàn khoản đãi hậu hĩnh sứ thần, trao trả tù binh cho Tống. Đây là một dấu mốc lớn trong quan hệ giữa nhà Tiền Lê với Tống, bởi sau nhiều nỗ lực thì tới đây nhà Tống mới thừa nhận địa vị hợp pháp của Lê Hoàn ở Đại Cồ Việt. Ngay sau đó, Lê Hoàn lập tức cử sứ đoàn sang Tống đáp lễ và nói về việc người Chiêm Thành là Bồ La Át đem hơn trăm người họ xin nội phụ [15; 272]. Trong cuộc tiếp sứ lần này, Lê Hoàn cũng tỏ vẻ ái ngại khi sứ thần đi lại xa xôi, bất tiện nhưng thực chất như muốn nói khéo để họ khỏi qua lại nước ta nhiều, đề phòng việc sứ thần lợi dụng để dò xét tình hình.

- Năm 988, vua Tống đổi niên hiệu, sai mang chế sách sang phong Lê Hoàn làm Kiểm hiệu thái úy. Lê Hoàn nhận chế thư để lên trên điện, không lay, nói dối là năm vừa rồi đi đánh giặc Man bị ngã ngựa đau chân. [15; 276]

- Năm 990, Tống phong cho vua thêm hai chữ “Đặc tiến”.

- Năm 993, nhà Tống sai đem sách thư sang phong cho Lê Hoàn làm Giao Chỉ quận vương. [15; 278]

- Năm 995, sai Đỗ Hanh sang Tống thăm, đáp lễ. Vua Tống nhận được tin báo từ các trấn giáp biên về việc hơn 100 chiến thuyền của Giao Chỉ xâm phạm địa phận, cướp bóc cư dân và lương thực trong kho nhưng bỏ không hỏi đến [15; 279].

- Năm 996, Lê Hoàn sai sứ sang Tống tạ ơn và nói về việc đã bắt được giặc biển 27 người, giao trả cho Chuyển vận sứ và răn cấm các khe động không được quấy rối nữa [15; 280].

- Mùa hạ, tháng tư năm 997, Tống Chân Tông mới lên ngôi, phong vua làm Nam Bình vương. Vua sai sứ sang đáp lễ, vua Tống ban chiếu thư khen ngợi. Vua Tống sai quan giữ biên giới đến nhận mệnh, không sai người sang sứ nữa [15; 280]

- Năm 1004, vua Tống ban cho Minh Đê (con trai của Lê Hoàn) chức Kim tử vinh lộc đại phu kiểm hiệu thái úy Hoan Châu thứ sử [15; 282].

Như vậy, sau nhiều cố gắng, kiên trì và bằng phương thức ngoại giao mềm dẻo; kết hợp ưu thế từ các chiến thắng quân sự trước đội quân xâm lược nhà Tống (năm 981), chinh phạt Chiêm Thành (982, 997), giải quyết ổn thoả các vấn đề trả tù binh sau chiến tranh, dân cư và an ninh vùng biên của hai nước... Lê Hoàn đã buộc nhà Tống phải từng bước thừa nhận địa vị của ông, của dòng họ Lê với tư cách là người/dòng họ đứng đầu ở Đại Cồ Việt, không chỉ dưới thời Tống Thái Tông mà tới thời kì trị vì của Tống Chân Tông sau này. Thậm chí, khi Lê Hoàn qua đời vào năm 1005, các con của ông “tranh nhau lên ngôi, giằng co 8 tháng, trong nước không có chủ” [15; 284], vua Tống đã không chỉ một lần bác đi những đề nghị của một số quan thần định nhân cơ hội loạn lạc ở Đại Cồ Việt để dấy binh sang xâm lược, với lí do: “Họ Lê thường sai con vào châu, góc biển yên tĩnh, không mất trung thuận...”, và “Giao Châu nhiều lam chướng, dịch lệ, nếu đem quân sang đánh thì chết rất nhiều, nên cẩn thận giữ cõi đất của tổ tông mà thôi” [15; 287].

Kế tục sự nghiệp của vua cha, Lê Long Đĩnh vẫn theo thi hành chính sách bang giao hữu nghị với nhà Tống, xin triều cống để giữ vững hoà bình và chủ quyền dân tộc. Nhìn chung, thời kì trị vì của Lê Long Đĩnh tuy không dài, nhưng trong hoạt động bang giao với Tống có thể nói ông đã phát huy tốt những thành quả đối ngoại của thời kì trước và đạt được những bước tiến khá quan trọng, đồng thời thể hiện một hướng đi mới trong hoạt động bang giao với Trung Hoa. Có thể thấy được điều này qua một số sự kiện sau:

Năm 1007:

- Mùa xuân, sai em là Minh Xưởng và Chương thư kí là Hoàng Thành Nhã dâng tỳ ngư trắng cho nhà Tống, xin kinh Đại Tạng.

- Cùng năm ấy, mùa thu, tháng 8, nhà Tống phong vua làm Giao Chỉ quận vương, lĩnh Tĩnh Hải quân tiết độ sứ và cho tên Chí Trung, ban tước cho Minh Xưởng và Thành Nhã. [15; 287]

- Tháng 9, nhà Tống đúc ấn Giao Chỉ quận vương, sai Quảng Nam chuyên vận sứ đem sang [15; 288].

Năm 1009:

- Mùa xuân, Minh Xương từ Tống về, xin được kinh Đại Tạng và dụ được người con gái nước Tống là Tiêu thị đem dâng, vua thu nạp làm cung nhân.

- Sai sứ đem biểu nhà Tống con tê ngư thuần, vua lại xin áo giáp mũ trụ giát vàng, vua Tống bằng lòng cho. Vua lại xin được đặt người coi việc tại chợ trao đổi hàng hoá ở Ung Châu, nhưng vua Tống chỉ cho mua bán ở chợ trao đổi hàng hoá tại Liêm Châu và trấn Như Hồng thôi [15; 288].

Lê Long Đĩnh thậm chí đã nhận tên riêng là Chí Trung từ vua Tống – điều chưa từng xảy ra trước và sau đó. Để củng cố mối quan hệ với Tống, Lê Long Đĩnh còn cưới người con gái Trung Quốc được Minh Xương mang về. Những nội dung như xin kinh Đại Tạng, xin đặt người coi việc trao đổi hàng hoá mua bán ở chợ vùng biên được trao đổi giữa Đại Cồ Việt và Tống những năm đầu thế kỉ XI là hoàn toàn mới mẻ, chưa từng xuất hiện trong các cuộc gặp gỡ ở cấp sứ đoàn hay trong các cuộc bàn luận ở triều đình của hai nước. Điều này góp phần mở rộng và làm phong phú thêm các hình thức giao lưu mới giữa hai nước; thiết thực và có ý nghĩa trên lĩnh vực văn hoá, kinh tế; vừa nhằm thắt chặt mối quan hệ bang giao với phong kiến Trung Hoa nhưng đồng thời tận dụng cơ hội cho sự phát triển của đất nước.

Bên cạnh đó, sự chủ động, khôn khéo và sáng tạo của Long Đĩnh trong quan hệ với Trung Quốc đã giữ cho đất nước khỏi cuộc tấn công tiếp theo từ phương Bắc mà nguy cơ đó luôn tiềm ẩn và được thúc đẩy bởi đám quan lại vùng biên của nhà Tống, nhất là khi trong nước ta có những biến động về chính trị.

2.4. Một vài nhận xét

Nhìn lại mối quan hệ giữa vương triều Đinh, Tiền Lê với nhà Tống được phản ánh qua thư tịch cổ có thể nhận thấy một số điểm nổi bật như sau:

Thứ nhất, việc thiết lập mối quan hệ hoà hiếu với nhà Tống được các vương triều Đinh và Tiền Lê chú trọng ngay sau khi nắm quyền cai trị, nhằm đảm bảo nền hoà bình cho công cuộc xây dựng phát triển đất nước và củng cố nền độc lập, tự chủ. Từ Đinh Tiên Hoàng – vị vua đầu tiên của nhà Đinh và sau này tới Lê Long Đĩnh - vị vua cuối cùng của nhà Tiền Lê đều cử sứ thần sang Tống để thăm hỏi, biểu các sản vật địa phương, cầu phong ... nhằm gây dựng mối quan hệ hoà hiếu và có được sự công nhận chính thức, hợp pháp địa vị của mình. Theo thống kê từ thư tịch cổ của Việt Nam và Trung Quốc, nhà Đinh có 7 lần trao đổi sứ đoàn giữa hai nước trong tổng thời gian trị vì là 13 năm; thời Tiền Lê có 31 lần trao đổi sứ đoàn trong 29 năm. Từ những sự kiện, thông tin ít ỏi được ghi chép trong từ thư tịch cổ Việt Nam, Trung Quốc cho phép khắc hoạ những nhân vật lịch sử, chịu trách nhiệm trước vận mệnh quốc gia, dân tộc, thực thi nhiệm vụ giao thiệp với nhà Tống như Đinh Liễn, Lê Hoàn, Đỗ Pháp Thuận... Có thể thấy, triều đình Đinh và Tiền Lê từ nhà vua đến quan lại, sư tăng đều sẵn sàng tham gia vào mặt trận ngoại giao trên tinh thần đề cao lòng tự tôn dân tộc, đặt quyền lợi quốc gia lên trên hết.

Thứ hai, việc triều cống của nhà Đinh và Tiền Lê với nhà Tống như một hình thức có tính chất bắt buộc để xác lập và duy trì sự ổn định trong mối quan hệ với nhà Tống. Các cuộc thăm hỏi, đáp lễ... kèm theo các sản vật địa phương do nhà Đinh, Tiền Lê thực hiện hoàn toàn không theo một định lệ, được nhà Tống nhìn nhận như biểu hiện của sự thần phục. Điều này có ý nghĩa nhất định trong tiến trình gia phong các tước hiệu cho Đinh Tiên Hoàng, Đinh Liễn, Lê Hoàn, Lê Long Đĩnh – là những người đứng đầu, có vai trò chính trị quan trọng trong sự tôn vinh của quốc gia Đại Cồ Việt. Nhà Đinh đã mở đầu cho truyền thống “ trong xưng đế, ngoài xưng thần” – một truyền thống ngoại giao của các vương triều phong kiến Việt Nam từ đó về sau.

Thứ ba, sự hoà hiếu giữa nhà Đinh và Tiền Lê với nhà Tống theo thời gian ngày càng trở nên tốt đẹp, tuy có bị gián đoạn và căng thẳng vào những năm 980-981 nhưng ngay sau đó, với tầm nhìn chính trị sắc sảo, Lê Hoàn đã nỗ lực hàn gắn bằng các hình thức dâng biểu tạ tội và cầu phong. Dưới thời kì trị vì của Lê Hoàn và ở nhà Tống là Tống Thái Tông, các sứ đoàn đi lại liên tục giữa hai nước, chủ yếu là nhằm mục đích tạ ơn, dâng biểu cầu phong, thăm hỏi, tuế cống, sách phong, ban chế thư... Mật độ dày đặc của các sứ đoàn qua lại giữa Đại Cồ Việt và Tống dưới thời Tiền Lê nói chung, thời Lê Hoàn trị vì nói riêng là biểu hiện sinh động của quan hệ tốt đẹp giữa hai nước trong thời gian gần 30 năm. Đặc biệt, các chiến thắng về quân sự ở cả hai mặt Bắc, Nam đã tạo thêm uy tín và khẳng định năng lực của Lê Hoàn trên cương vị người đứng đầu đất nước, tác động trực tiếp tới việc nhà Tống công nhận địa vị hợp pháp của Lê Hoàn ở Đại Cồ Việt. Hơn thế, nền tảng vững chắc của mối quan hệ hữu hảo giữa nhà Tiền Lê với nhà Tống được tích lũy và vun đắp trong thời kì mà Lê Hoàn trị vì, cùng sự kế thừa hoàn hảo của Lê Long Đĩnh đã tránh cho Đại Cồ Việt nguy cơ một cuộc chiến với nhà Tống khi Lê Hoàn qua đời.

Thứ tư, ở mỗi thời kì, những người đứng đầu nhà Đinh, Tiền Lê đều có cách thức ứng đối riêng đối với nhà Tống, dựa trên sự quan sát, đánh giá về tình hình nhà Tống, vị thế của Đại Cồ Việt; đặt lợi ích quốc gia, lợi ích dân tộc lên trên hết. Cách thức ứng đối đó bộc lộ định hướng, bản lĩnh chính trị và lập trường cá nhân rất rõ. Thời nhà Đinh, Đinh Tiên Hoàng không trực tiếp thực hiện các công việc liên quan đến đối ngoại mà giao phó cho Nam Việt vương Đinh Liễn, người mà vào năm 975 được nhà Tống gia phong làm Khai phủ nghi đồng tam ty, Kiểm hiệu thái sư, Giao Chỉ quận vương. Sứ cũ còn nhắc mạnh một chi tiết “ từ đây hễ sai sứ sang Tống đều lấy Liễn đứng đầu” [16; 41]. Sang thời Tiền Lê, Lê Hoàn thi hành chính sách ngoại giao mềm dẻo, hoà hiếu với nhà Tống nhằm giữ vững chủ quyền quốc gia và nâng cao vị thế của vương triều. Cách đón và tiếp đãi sứ thần nhà Tống của ông được sứ cũ ghi lại cho thấy Lê Hoàn không chỉ là vị tổng chỉ huy quân sự lỗi lạc với những chiến công “phá Tống, bình Chiêm”, mà còn là một nhà ngoại giao xuất chúng. Việc nhà Tống năm 993 phong cho Lê Hoàn là Giao Chỉ quận vương và 4 năm sau phong tiếp cho ông là Nam Bình vương có thể coi là minh chứng rõ rệt cho sự gia tăng uy tín và ảnh hưởng của cá nhân Lê Hoàn, vị thế của nhà nước Tiền Lê trong quan hệ với Tống. Vị vua cuối cùng của triều Tiền Lê – Lê Long Đĩnh là một nhân vật đầy mâu thuẫn, với nhiều hạn chế về tính cách, lối sống. Mặc dù vậy, không thể phủ nhận ông đã có những đổi mới về nội dung trong quan hệ bang giao với Tống, đưa mối quan hệ này trở nên rộng mở và đi vào giải quyết những vấn đề gần hơn, có lợi hơn cho nhân dân hai nước, không chỉ bó hẹp trong các hoạt động nặng tính lễ nghi thông thường.

3. Kết luận

Nhà Đinh và Tiền Lê từ năm 968 đến năm 1009 đã quản lí, điều hành Đại Cồ Việt với tư cách một quốc gia thống nhất có đầy đủ quốc hiệu, cương vực, lãnh thổ, tổ chức bộ máy nhà nước khá hoàn chỉnh; thực thi nhiều chính sách đối nội và đối ngoại hiệu quả, tạo nền móng cho sự phát triển bền vững của đất nước trong những giai đoạn tiếp theo.

Đặc biệt, trong lĩnh vực đối ngoại, cả nhà Đinh, Tiền Lê đều duy trì chính sách, ngoại giao mềm dẻo, linh hoạt và cứng rắn. Với sự chủ động, kịp thời và bằng các hoạt động chủ yếu mang tính chất nghi thức, trong 42 năm, vương triều Đinh, Tiền Lê đã buộc nhà Tống phải từng bước chính thức công nhận người đứng đầu và sự tồn tại của quốc gia Đại Cồ Việt. Mặc dù nhà Tống với tư tưởng của “Thiên triều” chỉ nhìn nhận Đại Cồ Việt như một nước phiên thuộc, nhưng nền độc lập, tự chủ của Đại Cồ Việt là một thực tế lịch sử và Đinh Tiên Hoàng, Lê Hoàn, Lê Long Đĩnh đều là những vị vua có đầy đủ quyền hạn trên lãnh thổ của quốc gia Đại Cồ Việt. Có thể khẳng định, thời Đinh, Tiền Lê đã khai mở một truyền thống đối ngoại giữa Việt Nam với Trung Quốc thời phong kiến: thần phục trên danh nghĩa, độc lập thật sự.

Quan hệ ngoại giao giữa Đại Cồ Việt với Tống do nhà Đinh xác lập, nhà Tiền Lê tiếp tục phát triển trong tình thế lịch sử không ít những thăng trầm, đã đạt những thành tựu quan trọng, góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng, củng cố kinh tế, an ninh quốc phòng của đất nước từ thập niên 70 của thế kỉ X đến những năm đầu của thế kỉ XI.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ủy ban KHXH Việt Nam, Viện Sử học, 1984. *Thế kỉ X những vấn đề lịch sử*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [2] Phan Huy Lê, 2007. *Lịch sử và văn hoá Việt Nam: tiếp cận bộ phận*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Trần Trọng Dương, 2019. *Việt Nam thế kỉ X những mảnh vỡ lịch sử*. Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [4] Lê Hiến Chương, 2020. “Thế kỉ X trong lịch sử Việt Nam: một thời kì quá độ và điển hình” *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội*, volume 65.
- [5] A.B.Pôliacốp, 1996. *Sự phục hưng của nước Đại Việt thế kỉ X-XIV*, Nxb Chính trị Quốc gia, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, Hà Nội.
- [6] Trần Trọng Kim, 2002. *Việt Nam sử lược*. Nxb Văn học, Trung tâm văn hoá ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.
- [7] Lê Thành Khôi, 2014. *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa thế kỉ XX*. Công ty TNHH một thành viên Nxb Thế giới, nhà sách Nhã Nam, Hà Nội.
- [8] K.W. Taylor, 2016. *Việt Nam thời dựng nước*. Tài liệu lưu hành nội bộ. Trường Đại học Thủ Dầu Một. Bình Dương
- [9] Hà Văn Tấn, 2017. *Sự hình thành Việt Nam*. Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [10] Trần Bá Chí, 2003. *Cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ nhất*. Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
- [11] Văn phòng Ban chỉ đạo kỉ niệm 1000 năm Thăng Long – Hà Nội, Sở Văn hoá thông tin, Hội sử học, 2005. *Bối cảnh định đô Thăng Long và sự nghiệp của Lê Hoàn*. Nxb Hà Nội, Hà Nội.
- [12] Trương Đình Tường, 2008. *Những nhân vật lịch sử thời Đinh Lê*. Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
- [13] Nguyễn Thế Long, 2005. *Những mẫu chuyện bang giao trong lịch sử Việt Nam*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [14] Viện Hàn lâm KHXHVN, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Tỉnh uỷ-UBND tỉnh Ninh Bình *Vai trò của nhà nước Đại Cồ Việt trong tiến trình lịch sử dân tộc Việt Nam*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [15] Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, 2009. *Đại Việt sử kí toàn thư*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [16] Quốc sử quán triều Nguyễn, 1998. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Tập 1. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [17] Trần Quốc Vượng dịch, 2005. *Việt sử lược*. Nxb Thuận Hoá, Trung tâm văn hoá ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.
- [18] Trung tâm khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia, Viện nghiên cứu Hán Nôm, 1997. *Đại Việt sử kí tiền biên*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [19] Cao Tự Thanh dịch, 2020. *Lịch sử Việt Nam qua chính sử Trung Hoa: Tống Sử, Nguyên sử, Minh sử, Thanh sử cảo*. Nxb Văn hoá – Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, tp. Hồ Chí Minh.

- [20] Lê Tắc, 2002. *An Nam chí lược*. Nxb Thuận Hoá, Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây, Huế.
- [21] Phan Huy Chú, 2007. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Tập II. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [22] Nguyễn Thị Thu Thủy, 2018. “Quan hệ triều Tiền Lê và triều Tống thời Lê Hoàn (980-1005) qua khảo sát những đoàn sứ bộ hai nước”. In trong *Vai trò của nhà nước Đại Cồ Việt trong tiến trình lịch sử dân tộc Việt Nam*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [23] Nguyễn Gia Phú, Nguyễn Huy Quý, 2003. *Lịch sử Trung Quốc*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [24] Phan Huy Lê, 2012. *Lịch sử Việt Nam*, Tập 1. Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

ABSTRACT

The relationship between Dai Co Viet in the Dinh and Early Le dynasties and the Song dynasty from 968 to 1009

Tran Thi Thai Ha

Faculty of Social Sciences Education, Saigon University

The article focuses on understanding and analyzing the diplomatic activities between Dai Co Viet under the Dinh, Tien Le dynasties, and the Song Dynasty, which are reflected in some ancient Vietnamese bibliographies and *Song's history* of China. The article mainly uses the statistical method, and compares and contrasts the sources of ancient Vietnamese bibliographies and ancient Chinese bibliographies, with reference to some comments and assessments of previous works on the relationship between Dai Co Viet and the Song Dynasty. Considering two-way diplomatic events, placed in a specific historical context, is the basis for coming to an objective perception of the reciprocal position of each king of the Dinh and Former Le dynasties in the relationship between the two dynasties with the Song in order to establish peace and gain recognition from the Song Dynasty of the legal status of the head of the dynasty. The research results also clarify the flexibility, initiative, and appropriateness of the methods used by the Dinh and Tien Le dynasties to protect and strengthen their independence. To a certain extent, the research results contribute to clarifying the achievements of our country in the 10th century and the first decade of the 11th century from the perspective of relations with Northern feudalism.

Keywords: Dinh Dynasty, Tien Le Dynasty, Song Dynasty, relationship, diplomatic.